

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ĐÀO TẠO TRUNG CẤP

Số: 1083.A.../HĐ-EVNHCMC-LTT

- Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ nhu cầu đào tạo Trung cấp Điện công nghiệp năm 2018 của Tổng công ty Điện lực TPHCM TNHH và khả năng đáp ứng của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

Hôm nay, ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm có:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TPHCM TNHH

Địa chỉ: Số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 01, TP.HCM

Điện thoại: (08) 22201177

Fax: (08) 22201155

Mã số thuế: 0300951119

Giấy chứng nhận doanh nghiệp mã số 0300951119 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 08/12/2015

Tài khoản số: 0521005639007

Tại Ngân hàng: TMCP An Bình - Sở Giao dịch TP.HCM.

Đại diện: Ông **TRẦN KHIÊM TUẤN**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Quyết định phân công nhiệm vụ trong Ban Tổng Giám đốc số 2831/QĐ-EVNHCMC ngày 19/6/2017

BÊN B: TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : 390 Hoàng Văn Thụ, Phường 4 , Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 38440567

Fax: (08) 38118676

Mã số thuế: 0302483515

Tài khoản : 1603201043543- tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt nam, chi nhánh Lý Thường Kiệt Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện: Ông **PHẠM HỮU LỘC**

Chức vụ: Hiệu trưởng

Hai bên thống nhất thỏa thuận và cam kết thực hiện các điều khoản của hợp đồng cụ thể như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

Bên B nhận đào tạo cho Bên A chương trình đào tạo Trung cấp ngành Điện công nghiệp.

 

Chương trình đào tạo đính kèm.

Danh sách học viên theo phụ lục 1.

Điều 2. Thời gian - Địa điểm đào tạo

1. Thời gian đào tạo:

- ❖ 3 năm (Đối với đối tượng tốt nghiệp THCS);
- ❖ 1 năm 3 tháng (Đối với đối tượng chưa tốt nghiệp THPT);
- ❖ 1 năm (Đối với đối tượng đã tốt nghiệp THPT),
- Khai giảng ngày 08/10/2018.
- Học vào các buổi tối thứ Hai, Ba, Tư, Năm, Sáu.

2. Địa điểm đào tạo:

Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh – 390 Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điều 3. Giá trị hợp đồng:

1. Số lượng học viên: 73 người

2. Kinh phí đào tạo:

- Học viên tốt nghiệp THCS: 41

54.001.700 đồng/người/khóa * 41 người = 2.214.069.700 đồng

(Bằng chữ: Hai tỉ hai trăm mười bốn triệu không trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm đồng chẵn)

- Học viên chưa tốt nghiệp THPT: 11

24.833.900 đồng/người/khóa * 11 người = 273.172.900 đồng

(Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi ba triệu một trăm bảy mươi hai ngàn chín trăm đồng chẵn)

- Học viên đã tốt nghiệp THPT: 21

20.533.900 đồng/người/khóa * 21 người = 431.211.900 đồng

(Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi một triệu hai trăm mười một ngàn chín trăm đồng chẵn)

* Tổng cộng kinh phí đào tạo: **2.918.454.500 đồng**

(Bằng chữ: Hai tỉ chín trăm mười tám triệu bốn trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm đồng chẵn)

Chi phí này đã bao gồm:

- Học phí.
- Giấy thi, giấy nháp, tài liệu học tập đầu khóa, hồ sơ, thẻ sinh viên, thẻ thư viện, ...
- Ôn thi và lệ phí thi tốt nghiệp 3 môn văn hóa và cấp bằng tốt nghiệp.
- Chi phí thi lại, học lại do học viên tự chi trả.

Chi phí được tính theo số lượng thực tế học viên tham gia ở các học kỳ và được quyết toán sau khi lớp học kết thúc.

kece

Điều 4. Phương thức thanh toán

Bên A thanh toán kinh phí đào tạo cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên B ghi tại hợp đồng này với phương thức như sau:

Thanh toán lần 1: 30% giá trị hợp đồng trong vòng 5 ngày làm việc sau khi ký hợp đồng.

Thanh toán lần 2: 30 % giá trị hợp đồng khi bắt đầu năm học thứ 2.

Thanh toán lần 3: 40% giá trị hợp đồng còn lại trong vòng 10 ngày sau ngày khóa học kết thúc, khi bên A đã nhận đủ các chứng từ sau:

- + Biên bản thanh lý hợp đồng;
- + Kết quả học tập của lớp học;
- + Quyết định cấp bằng Trung cấp cho các học viên đạt yêu cầu.
- + Hóa đơn GTGT theo quy định.

Điều 5. Trách nhiệm của Bên A

1. Chiêu sinh và có quyết định cử học viên tham dự khóa đào tạo theo đúng đối tượng;

2. Thanh toán kinh phí đào tạo cho Bên B;

3. Bố trí, tiếp nhận học viên thực tập tại đơn vị.

Điều 6. Trách nhiệm của Bên B

1. Tổ chức giảng dạy theo đúng nội dung đã đề ra;

2. Bố trí giảng viên giảng dạy cho khóa học;

4. Đảm bảo việc điểm danh các môn học và thông báo cho bên A sau khi kết thúc mỗi môn học;

5. Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên;

6. Cung cấp kết quả học tập của học viên cho bên A sau mỗi học kỳ;

7. Cấp “Bằng Trung cấp” theo đúng quy định cho những học viên đạt yêu cầu;

8. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên không trao đổi với học viên những nội dung không liên quan đến chương trình đào tạo đã được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng này.

Điều 7. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên B có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo Điểm a Khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Nếu việc ký hợp đồng với nhà cung cấp khác có phát sinh chênh lệch so với chi phí mà bên A phải thanh toán cho bên B thì 2 bên sẽ cùng nhau thỏa thuận lại để đi đến thống nhất.

 

Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo Điểm b Khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật

2. Bên B có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên A:

a) Không thực hiện một phần hoặc toàn bộ theo các điều khoản trong hợp đồng.

b) Phá sản, giải thể;

c) Không thực hiện việc thanh toán theo đúng Điều 4. Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí phát sinh tới thời điểm chấm dứt hợp đồng cho bên B cộng thêm lãi phát sinh theo mức 1%/tháng

Điều 8. Giải quyết tranh chấp

Trường hợp phát sinh tranh chấp các Bên sẽ thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trường hợp không thương lượng được, trong vòng 30 ngày kể từ khi phát sinh tranh chấp các Bên có quyền đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết. Phán quyết của Tòa án nhân dân có thẩm quyền là chung thẩm có giá trị ràng buộc đối với hai bên thi hành.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung hợp đồng

Nếu một Bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hợp đồng thì thông báo cho Bên kia bằng văn bản theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng trước 05 ngày làm việc và hai Bên sẽ thương thảo để xem xét. Trường hợp ký Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng thì phụ lục hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không thể tách rời khỏi hợp đồng chính.

Điều 10. Điều khoản chung

1. Hai bên sẽ ký biên bản thanh lý hợp đồng, chậm nhất là 05 ngày làm việc sau khi lớp học kết thúc (hoặc sau khi hai bên đã hoàn tất trách nhiệm đã nêu).

2. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 03 bản.



Trần Khiêm Tuấn



Phạm Hữu Lộc

DANH SÁCH THAM GIA ĐÀO TẠO TRUNG CẤP ĐIỆN CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG

STT	MSNV	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	ĐƠN VỊ	TRÌNH ĐỘ	THỜI GIAN HỌC	THỜI GIAN CAM KẾT LÀM VIỆC
1	A2770	Trần Quốc Thắng	02/01/1969	PC Sài Gòn	TN THCS	3 năm	10 năm
2	A1501	Mai Ngọc Anh	10/10/1970	PC Sài Gòn	TN THCS	3 năm	10 năm
3	A1647	Ngô Thành Nam	05/09/1969	PC Sài Gòn	TN THCS	3 năm	10 năm
4	A1891	Nguyễn Văn Thảo	15/12/1971	PC Sài Gòn	TN THCS	3 năm	10 năm
5	A3979	Lê Huy Hoàng	05/07/1976	PC Sài Gòn	TN THCS	3 năm	10 năm
6	A3165	Ngô Diệu Anh Thương	30/08/1977	PC Sài Gòn	TN THCS	3 năm	10 năm
7	A2604	Hứa Hậu	18/9/1968	PC Sài Gòn	TN THCS	3 năm	10 năm
8	A3366	Nguyễn Tấn Sang	21/05/1970	PC Thủ Thiêm	TN THCS	3 năm	10 năm
9	A3365	Bùi Thế Mỹ	15/10/1969	PC Thủ Thiêm	TN THCS	3 năm	10 năm
10	A3219	Thạch Trần Thái Châu	06/04/1972	PC Chợ Lớn	TN THCS	3 năm	10 năm
11	A5401	Lê Văn Sĩ	08/4/1968	PC Gò Vấp	TN THCS	3 năm	10 năm
12	A2347	Nguyễn Minh Châu	03/02/1971	PC Gò Vấp	TN THCS	3 năm	10 năm
13	A3928	Nguyễn Minh Tuấn	22/8/1973	PC Gò Vấp	TN THCS	3 năm	10 năm
14	A3937	Nguyễn Minh Nguyên	27/10/1973	PC Gò Vấp	TN THCS	3 năm	10 năm
15	A1486	Nguyễn Đức Hải	01/01/1968	PC Gò Vấp	TN THCS	3 năm	10 năm
16	A2044	Lê Minh Huy	16/12/1970	PC Tân Phú	TH THCS	3 năm	10 năm
17	A3662	Trần Ngọc Anh Tuấn	01/01/1968	PC Tân Phú	TN THCS	3 năm	10 năm
18	A2152	Ngô Diệu Anh Cường	12/11/1973	PC Tân Phú	TH THCS	3 năm	10 năm
19	A9142	Trà Duy Quang	09/02/1989	PC Thủ Đức	TN THCS	3 năm	10 năm
20	A3188	Phan Công Thôi	23/11/1969	PC Phú Thọ	TN THCS	3 năm	10 năm
21	A1588	Trần Phương Đăng	20/03/1968	PC Phú Thọ	TN THCS	3 năm	10 năm
22	A3175	Lư Đức Thành	05/11/1971	PC Phú Thọ	TN THCS	3 năm	10 năm
23	A3230	Lê Minh Quân	06/02/1971	PC Gia Định	TN THCS	3 năm	10 năm
24	A1649	Trương Thành Quang Minh	29/06/1970	PC Gia Định	TN THCS	3 năm	10 năm
25	A3231	Trần Nguyễn Hữu Quang	23/10/1974	PC Gia Định	TN THCS	3 năm	10 năm

STT	MSNV	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	ĐƠN VỊ	TRÌNH ĐỘ	THỜI GIAN HỌC	THỜI GIAN CAM KẾT LÀM VIỆC
26	A2234	Nguyễn Đức Thiện	15/3/1968	PC Gia Định	TN THCS	3 năm	10 năm
27	A3457	Giang Chí Thành	14/11/1972	PC Gia Định	TN THCS	3 năm	10 năm
28	A1481	Châu Quang Hiền	28/01/1969	PC Gia Định	TN THCS	3 năm	10 năm
29	A4045	Võ Thị Kim Thắm	08/02/1981	PC Tân Thuận	11/12	3 năm	10 năm
30	A4060	Trần Phước Hồng	13/01/1973	PC Tân Thuận	THCS	3 năm	10 năm
31	A1731	Nguyễn Quốc Thành	19/07/1971	PC Tân Thuận	10/12	3 năm	10 năm
32	A4058	Trần Xuân Sơn	10/01/1975	PC Tân Thuận	THCS	3 năm	10 năm
33	A3257	Võ Minh Nam	15/12/1972	PC Tân Thuận	THCS	3 năm	10 năm
34	A1370	Trần Hùng Xuân Tùng	09/12/1969	PC Bình Phú	TN THCS	3 năm	10 năm
35	A1587	Trần Đa Lộc	07/01/1969	PC Bình Phú	TN THCS	3 năm	10 năm
36	A2365	Mai Văn Thông	13/02/1973	PC Bình Phú	TN THCS	3 năm	10 năm
37	A1892	Nguyễn Đức Thọ Khanh	19/01/1972	PC Bình Phú	TN THCS	3 năm	10 năm
38	A8513	Nguyễn Văn Thanh Tuấn	10/06/1978	PC Bình Chánh	TN THCS	3 năm	10 năm
39	A2869	Trần Tiến Tân	11/11/1973	PC Bình Chánh	TN THCS	3 năm	10 năm
40	A3311	La Hữu Thành	27/02/1970	PC Tân Phú	TH THCS	3 năm	10 năm
41	A3538	Phan Trọng Vũ	19/09/1976	Công ty LĐCT	11/12	3 năm	10 năm
42	A5148	Lâm Trường Khánh	18/09/1974	PC Sài Gòn	chưa TN THPT	1 năm 3 tháng	5 năm
43	A2622	Lê Minh Thiên	18/12/1970	PC Sài Gòn	chưa TN THPT	1 năm 3 tháng	5 năm
44	A3650	Nguyễn Huy Phong	08/03/1972	PC Tân Bình	chưa TN THPT	1 năm 3 tháng	5 năm
45	A1893	Trần Tuấn Khôi	28/02/1970	PC Chợ Lớn	chưa TN THPT	1 năm 3 tháng	5 năm
46	A3202	Trần Xuân Nam	17/03/1968	PC Chợ Lớn	chưa TN THPT	1 năm 3 tháng	5 năm
47	A3918	Trương Ngọc Ân	10/7/1978	PC Gò Vấp	chưa TN THPT	1 năm 3 tháng	5 năm
48	A3788	Tchao Mỹ Đình	25/01/1976	PC Thủ Đức	chưa TN THPT	1 năm 3 tháng	5 năm
49	A2158	Nguyễn Phi Khanh	22/04/1971	PC Bình Phú	chưa TN THPT	1 năm 3 tháng	5 năm
50	A4606	Phạm Đắc Tuấn	06/02/1972	PC Gia Định	chưa TN THPT	1 năm 3 tháng	5 năm
51	A1789	Nguyễn Khôi Long	18/09/1970	PC Gia Định	chưa TN THPT	1 năm 3 tháng	5 năm

STT	MSNV	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	ĐƠN VỊ	TRÌNH ĐỘ	THỜI GIAN HỌC	THỜI GIAN CAM KẾT LÀM VIỆC
52	A3586	Nguyễn Bá Bình	13/01/1971	Công ty LĐCT	chưa TN THPT	1 năm 3 tháng	5 năm
53	A3980	Tiết Đông Hưng	01/02/1972	PC Sài Gòn	TN THPT	1 năm	5 năm
54	A2621	Nguyễn Lê Thắng	08/02/1968	PC Sài Gòn	TN THPT	1 năm	5 năm
55	A4168	Bùi Văn Tú	18/05/1971	PC Duyên Hải	TN THPT	1 năm	5 năm
56	A5158	Lương Trung Hiếu	18/06/1968	PC Tân Phú	TN THPT	1 năm	5 năm
57	A2146	Dương Tường Thanh	23/09/1972	PC Thủ Đức	TN THPT	1 năm	5 năm
58	A4583	Lê Thị Thiên Hương	29/11/1974	PC Sài Gòn	TN THPT	1 năm	5 năm
59	A2055	Nguyễn Hữu Thơ	23/06/1970	PC Chợ Lớn	TN THPT	1 năm	5 năm
60	A4797	Lê Xuân Bình	12/4/1976	PC Gò Vấp	TN THPT	1 năm	5 năm
61	A5097	Trần Thanh Đạm	25/10/1966	PC Gò Vấp	TN THPT	1 năm	5 năm
62	A6780	Lê Minh Tâm	10/10/1982	PC Gò Vấp	TN THPT	1 năm	5 năm
63	A6770	Dương Anh Tú	13/11/1983	PC Gò Vấp	TN THPT	1 năm	5 năm
64	A3919	Dương Thanh Tùng	28/12/1966	PC Gò Vấp	TN THPT	1 năm	5 năm
65	A3303	Nguyễn Thanh Nhã	29/04/1969	PC Bình Phú	TN THPT	1 năm	5 năm
66	A3723	Huỳnh Hiên Triết	03/12/1978	PC Bình Phú	TN THPT	1 năm	5 năm
67	A6651	Nguyễn Văn Thương	18/8/1979	PC Bình Phú	TN THPT	1 năm	5 năm
68	A6801	Nguyễn Anh Tuấn	07/01/1982	PC Bình Phú	TN THPT	1 năm	5 năm
69	A9004	Trần Thanh Tuấn	03/01/1985	PC Bình Phú	TN THPT	1 năm	5 năm
70	A8146	Huỳnh Quảng Thanh	15/12/1981	PC Bình Phú	TN THPT	1 năm	5 năm
71	A9656	Phạm Tuấn	23/02/1988	PC Duyên Hải	TN THPT	1 năm	5 năm
72	A9655	Bùi Minh Trung	18/7/1985	PC Duyên Hải	TN THPT	1 năm	5 năm
73	A2135	Nguyễn Tấn Oai	30/04/1969	PC Phú Thọ	TN THPT	1 năm	5 năm

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP

1. **Ngành đào tạo:** Điện công nghiệp và Dân dụng

2. **Thời gian đào tạo:** 3 năm

3. **Loại hình đào tạo:** Chính quy

4. **Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp Trung học cơ sở

5. **Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng ĐVHT):** 169 ĐVHT

6. **Giới thiệu chương trình:**

- Văn bằng sẽ được cấp khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp.

- Những nhiệm vụ chính mà người tốt nghiệp có thể thực hiện được:

Có khả năng lắp đặt, vận hành, bảo trì, sửa chữa thiết bị điện, hệ thống điện công nghiệp và dân dụng trong các công ty, nhà máy, xí nghiệp, hệ thống chiếu sáng công nghiệp và dân dụng

- Khái quát nội dung học tập:

Giải thích hoạt động của các thiết bị điện, máy điện, trang bị điện trong máy công nghiệp, mạch điện tử. Lắp ráp, vận hành, sửa chữa các thiết bị điện công nghiệp, thi công các mạng điện công trình và công ty

- Cơ hội việc làm:

+ Đảm nhận các công việc lắp đặt, vận hành, bảo trì, sửa chữa thiết bị điện, hệ thống điện công nghiệp và dân dụng trong các công ty, nhà máy, xí nghiệp.

+ Làm việc trong các tổ cơ điện, phòng bảo dưỡng bảo trì thiết bị điện của các nhà máy, xí nghiệp.

7. **Mục tiêu đào tạo:**

a. **Về kiến thức:**

- Trình bày được nguyên lý, cấu tạo, tính năng, công dụng, quy ước sử dụng của các loại thiết bị điện.

- Nhận biết được sự cố thường gặp, có hướng giải quyết các sự cố đó trong quá trình vận hành các thiết bị điện, hệ thống điện công nghiệp và dân dụng.

- Hiểu được cách đọc các bản vẽ thiết kế điện và phân tích được nguyên lý các bản vẽ thiết kế điện như bản vẽ cấp điện, bản vẽ nguyên lý mạch điều khiển.

- Vận dụng được các nguyên tắc trong thiết kế cấp điện và đặt phụ tải cho các hộ dùng điện cụ thể (một phân xưởng, một hộ dùng điện).

- Vận dụng được các nguyên tắc lắp ráp, sửa chữa thiết bị điện vào hoạt động thực tế của nghề.

b. **Về kỹ năng:**

- Lắp đặt được hệ thống cấp điện của một xí nghiệp, một phân xưởng vừa và nhỏ đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Sửa chữa, bảo trì được các thiết bị điện trên các dây chuyền sản xuất, đảm bảo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật.

- Phán đoán đúng và sửa chữa được các hư hỏng thường gặp trong các hệ thống điều khiển tự động thông thường.
- Vận hành được những hệ thống điều tốc tự động.
- Tự học tập, nghiên cứu khoa học về chuyên ngành.
- Có kỹ năng giao tiếp, tổ chức và làm việc nhóm.

c. Thái độ nghề nghiệp:

- Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước và Luật lao động.
- Có ý thức tự giác chấp hành kỷ luật lao động, lao động có kỹ thuật, lao động có chất lượng và năng suất cao, có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp.
- Có ý thức trách nhiệm đối với công việc được giao, có ý thức bảo vệ của công.
- Luôn chấp hành các nội quy, quy chế của đơn vị.
- Có trách nhiệm, thái độ học tập chuyên cần và cầu tiến.
- Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý.

8. Khung chương trình đào tạo

8.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Nội dung	Thời gian	
		Số tiết (giờ)	ĐVHT
1	Văn hóa phổ thông (nếu có)	1110	74
2	Các học phần chung	600	38
3	Các học phần cơ sở	255	17
4	Các học phần chuyên môn	240	16
5	Thực tập nghề nghiệp	480	16
6	Thực tập tốt nghiệp	360	8
Cộng (ĐVHT)		3045	169

8.2. Các học phần của chương trình và kế hoạch giảng dạy:

TT	Mã Học phần	HỌC PHẦN	SỐ ĐV HT	SỐ TIẾT	HỌC KỲ						TOÀN KHOẢ
					1	2	3	4	5	6	
					16 tuần	16.5 tuần	16.5 tuần	16 tuần	15.5 tuần	16 tuần	
A		VĂN HOÁ	74	1110	18	18	19	19	0	0	
1	2102091101	Toán 1	6	90	6						KHCB
2	2102091102	Toán 2	6	90		6					KHCB
3	2102092103	Toán 3	7	105			7				KHCB
4	2102092104	Toán 4	7	105				7			KHCB
5	2102091105	Vật lý 1	4	60	4						KHCB
6	2102091106	Vật lý 2	4	60		4					KHCB
7	2102092107	Vật lý 3	4	60			4				KHCB
8	2102092108	Vật lý 4	4	60				4			KHCB

TT	Mã Học phần	HỌC PHẦN	SỐ ĐV HT	SỐ TIẾT	HỌC KỲ						TOÀN KHOẢ
					1	2	3	4	5	6	96.5 tuần
					16 tuần	16.5 tuần	16.5 tuần	16 tuần	15.5 tuần	16 tuần	
9	2102091109	Hoá học 1	4	60	4						KHCB
10	2102091110	Hoá học 2	4	60		4					KHCB
11	2102092111	Hoá học 3	4	60			4				KHCB
12	2102092112	Hoá học 4	4	60				4			KHCB
13	2102091113	Ngữ văn 1	4	60	4						KHCB
14	2102091114	Ngữ văn 2	4	60		4					KHCB
15	2102092115	Ngữ văn 3	4	60			4				KHCB
16	2102092116	Ngữ văn 4	4	60				4			KHCB
B		PHẦN CHUNG	38	600	9	5	7	7	2	8	
1	2102112012	Giáo dục chính trị 1	3	45			3				LLCT
2	2102112022	Giáo dục chính trị 2	3	45				3			LLCT
3	2102093117	Kỹ năng giao tiếp	2	30					2		KHCB
4	2102112005	Pháp luật	2	30				2			LLCT
5	2102061001	Tin học cơ bản	4	60	4						CNTT
6	2102121118	Anh văn 1	4	60	4						NN
7	2102121119	Anh văn 2	4	60		4					NN
8	2102122120	Anh văn 3	4	60			4				NN
9	2102022604	Anh văn chuyên ngành Điện - Điện tử	2	30				2			CN Đ- ĐT
10	2102091130	Giáo dục thể chất 1	1	30	1*						KHCB
11	2102091131	Giáo dục thể chất 2	1	30		1*					KHCB
12	2102133001	Giáo dục quốc phòng – An ninh	8	120						8	3 tuần
C		GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	57	1335	4	8	5	3	23	14	
I		Kiến thức cơ sở	17	255	4	3	3	0	5	2	
1	2102013080	Vẽ kỹ thuật	2	30					2		CN Cơ khí
2	2102021244	Khí cụ điện	2	30	2						
3	2102021600	Mạch điện	3	45		3					
4	2102021240	An toàn điện	2	30	2						
5	2102023425	Kỹ thuật cảm biến	2	30						2	5 tuần
6	2102023602	Mạch điện tử	3	45					3		

TT	Mã Học phần	HỌC PHẦN	SỐ ĐV HT	SỐ TIẾT	HỌC KỲ						TOÀN KHOÁ
					1	2	3	4	5	6	96.5 tuần
					16 tuần	16.5 tuần	16.5 tuần	16 tuần	15.5 tuần	16 tuần	
7	2102022605	Máy điện	3	45			3				
II		Kiến thức ngành	16	240	0	4	0	0	12	0	
1	2102021621	Cung cấp điện	4	60		4					
2	2102023622	Trang bị điện	3	45					3		
3	2102023609	PLC cơ bản	2	30					2		
4	2102023616	Điện – khí nén	2	30					2		
5	2102023608	Điện tử công suất	2	30					2		
6	2102023607	Kỹ thuật số	3	45					3		
III		Thực tập	16	480	0	1	2	3	6	4	
1	2102021601	TT Đo lường và mạch điện	1	30		1					
2	2102022623	TT Điện cơ bản	2	60			2				
3	2102023610	TT Vẽ điện – điện tử	1	30					1		
4	2102022624	TT Máy điện	3	90				3			
5	2102023614	TT Trang bị điện 1	2	60					2		
6	2102023603	TT Mạch Điện tử	2	60					2		
7	2102023625	TT Kỹ thuật Số	1	30					1		
8	2102023626	TT Trang bị điện 2	2	60						2	5 tuần
9	2102023619	TT PLC cơ bản	2	60						2	5 tuần
IV	2102023620	Thực tập tốt nghiệp	8	360						8	8 tuần
		TỔNG CỘNG ĐVHT	169	3045	31	31	31	29	25	22	
		SỐ TIẾT LT/TH TRONG TUẦN			28/0 +2*	27/2 +2*	27/4	24/6	18/11	06/24	

8.3. Thi tốt nghiệp

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian	Ghi chú
I	Văn hóa phổ thông			
1	Toán	Tự luận	120 phút	
2	Vật Lý	Tự luận hoặc Trắc nghiệm	120 phút 90 phút	
3	Hóa học	Tự luận	120 phút	

		hoặc Trắc nghiệm	90 phút	
II	Chuyên môn			
1	Giáo dục Chính trị	Tự luận	120 phút	
2	Lý thuyết tổng hợp - Kiến thức cơ sở - Kiến thức chuyên ngành	Tự luận <i>Chọn 2 trong các học phần sau:</i> - Khí cụ điện - Máy điện - Mạch điện tử - Kỹ thuật cảm biến <i>Chọn 2 trong các học phần sau:</i> - Cung cấp điện - Trang bị điện - Kỹ thuật số - PLC cơ bản	120 phút	
3	Thực hành nghề nghiệp	<i>Chọn 1 hoặc 2 trong các học phần sau:</i> - Thực tập mạch điện tử - Thực tập máy điện - Thực tập PLC cơ bản - Thực tập Trang bị điện 1 - Thực tập Trang bị điện 2	≤ 120 phút	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG 



Phạm Hữu Lộc